

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+BK6+P2	7:25	14+4+2	0+0+0		1+11+10	0+0+0	
2		TD3+TD5+MRM	9:25	13+10+4+3	0+0+0		8+8+5	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3 - BK6 - P2	CREW: Vận - V Linh - Huy	ETA: 09:20
xanh-1			

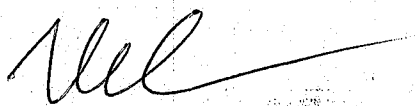
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG THANH TUNG	TD3	34	1	5		75	DIEUHAN	Vietnamese
2	SOCHIVES I.M	TD3	43	1	10	50	105	KHOAN	Russian
3	EREMEEV E.N	TD3	42	1	15	15	90	KHOAN	Russian
4	SICHINAVA G.V	TD3	44-45	2	17		90	KHOAN	Russian
5	LÊ MẠNH HÙNG	TD3	33	1	8		75	ANTOAN	Vietnamese
6	TRẦN ANH TUẤN	TD3	32	1	10		75	DVL	Vietnamese
7	VŨ VĂN NAM	TD3	29-31	3	17		65	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	TD3	35	1	5		75	DVL	Vietnamese
9	TRỊNH HỮU CÂN	TD3	36	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ THAI THANH	TD3	37	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TIẾP	TD3	40-41	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD3	39	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN TÂM	TD3	90	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ANH TUẤN	TD3	38	1	15		67	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHUÊ	BK6	36	1	7		65	SINH HUN	Vietnamese
16	TRẦN HỮU MINH	BK6	37	1	12		76	SINH HUN	Vietnamese
17	PHẠM QUANG THOM	BK6	32	1	6	40	67	SINH HUN	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THANG	BK6	38	1	10		67	SINH HUN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUẤN	BK6	33	1	10		70	XAY LAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT LỘC	BK6	34-35	2	17		60	XAY LAP	Vietnamese
21	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	92	1	6		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH LAM	P2	16	1	6		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

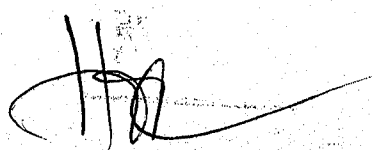
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	18	168	1.084	65	1		
2	BK6	6	7	62	405	40	11		
3	P2	2	2	12	148	0	10		
TOTAL		22	27	242	1.637	105	22		
WEIGHT KG				242	1.637	105			

GRAND TOAL: 1.984 KGS

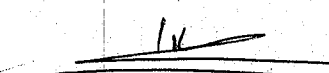
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: TD3 - TD5 - MRM	CREW: Văn - V Linh - Huy	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CAO	TD3	58	1	15	17	68	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN CAO TUẤN	TD3	52	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN ĐƯƠNG	TD3	53-54	2	14		64	CODIEN	Vietnamese
4	HA QUANG HUY	TD3	57	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ DUY TIẾN	TD3	56	1	17	20	82	CODIEN	Vietnamese
6	PHI DUY HOAN	TD3	60	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN CHÍ LINH	TD3	97	1	7		78	DVL	Vietnamese
8	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD3	500,99	2	20		56	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN ĐU	TD3	95-96	2	9		59	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CÚ	TD3	98	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	TRAN MINH TUNG	TD3	51	1	8		82	COKHI	Vietnamese
12	NGUYEN THE HUY	TD3	49-50	2	20		74	COKHI	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG PHUC	TD3	46-48	3	20		70	COKHI	Vietnamese
14	KIỀU TUẤN ANH	TD5	84-85	2	13	20	87	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THU	TD5	83	1	15		65	DVL	Vietnamese
16	LƯU BA XÔ	TD5	86-87	2	15		81	DVL	Vietnamese
17	BUI HUY BĂNG	TD5	82	1	13		65	DVL	Vietnamese
18	KRAEVOI SERGEI	MRM	27-28	2	15		97	KHOAN	Russian
19	NGUYEN HUU TUYEN	MRM	21-22	2	19		59	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	MRM	23-24	2	18		67	KHOAN	Vietnamese
21	IAKUNIN E.	MRM	26	1	6		105	KHOAN	Russian
22	IAKUNIN I.	MRM	25	1	10		95	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

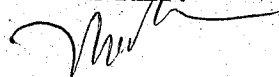
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	19	165	914	37	9		
2	TD5	4	6	56	298	20	8		
3	MRM	5	8	68	423	0	5		
TOTAL		22	33	289	1.635	57	22		
WEIGHT KG				289	1.635	57			

GRAND TOAL: 1.981 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

